

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2021/HS-ST
Ngày 26-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Đồng; bà Lê Thị Nhung Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Lê Thuần Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/8/2021, tại Hội trường xét xử TAND huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2021/TLST-HS ngày 19/7/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HS ngày 04/8/2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 391/2021/TB-TA, ngày 17/8/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Trung T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 20/10/1965; nơi sinh: Xã H. huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Xóm 07, xã H. huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đ và bà Mai Thị H (đều đã chết); vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1968 và 04 người con: Đứa lớn nhất 28 tuổi, đứa nhỏ nhất 20 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/4/2021 cho đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ UBND huyện H tỉnh H do ông Ngô Xuân N, chức vụ: Chủ tịch - làm đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Xuân Ninh: Ông Nguyễn Thừa L, chức vụ: Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; có mặt;

+ Ban quản lý rừng phòng hộ huyện H do ông Nguyễn Thượng H, chức vụ: Trưởng ban - Làm người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thượng H: Ông Đặng Hồng Q, chức vụ: Phó Trưởng ban; có mặt;

+ Ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1972; bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1968;

đều có nghề nghiệp: Lao động tự do; đều địa chỉ: Xóm 07, xã H. huyện H, tỉnh H; có mặt;

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976; nghề nghiệp: Lao động tự do; địa chỉ: Xóm 07, xã H. huyện H, tỉnh H; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Trần Hữu Đ1, sinh năm 1987; ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1979; đều có địa chỉ: Xóm 06, xã H. huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt;

+ Anh Phạm Ngọc C, sinh năm 1983; Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1983; ông Võ Tá H3, sinh năm 1966; anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1978; chị Trần Thị X, sinh năm 1986; cháu Phan Mạnh T1, sinh năm 2005; đều có địa chỉ: Xóm T, xã H. huyện H, tỉnh H; vắng mặt;

Người giám hộ cháu Phan Mạnh T1: Bà Phan Thị H5(mẹ cháu T1), sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm T, xã H. huyện H, tỉnh H; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác được mời đến phiên tòa:*

+ Đại diện Ủy ban nhân dân xã H. huyện H: Ông Biện Văn B, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã; có mặt;

+ Đại diện Hạt Kiểm lâm huyện Hương Khê: Ông Trần Hữn H6 và ông Đặng Tất Đ, Trưởng và Phó bộ phận Thanh tra - Pháp chế Hạt Kiểm lâm huyện Hương Khê; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 15/8/2016, UBND huyện H ban hành Quyết định số 4527/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân xã H. huyện H. Trong đó có, Hoàng Trung T, vợ là bà Nguyễn Thị P1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 025688, ngày 15/8/2016, tại thửa đất số: 35; tờ bản đồ số: 79; địa chỉ: Khoảnh 1, tiểu khu 234 thuộc xã H. huyện H; diện tích 11673.4m²; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích: Đất rừng sản xuất; thời hạn sử dụng: 9/2065; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Và ông Nguyễn Văn Q1, bà Nguyễn Thị Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 025682, ngày 15/8/2016, tại thửa đất số: 28; tờ bản đồ số: 79; địa chỉ: Khoảnh 1, tiểu khu 234 thuộc xã H. huyện H; diện tích 10324.9m²; hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; mục đích: Đất rừng sản xuất; thời hạn sử dụng: 9/2065; nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Sau khi được giao đất thì hộ gia đình ông Nguyễn Văn Q1, bà Nguyễn Thị Đ đã chuyển nhượng thửa đất trên cho Hoàng Trung T, hai bên đã giao nhận tiền nhưng chưa hoàn tất thủ tục, giấy tờ chuyển nhượng.

Vào đầu tháng 10/2020, do muốn có đất trống để trồng cây keo trầm nên Hoàng Trung T đã thuê anh Nguyễn Đình H1, trú tại xóm 08, xã H. huyện H sẽ

phát, chặt phá rừng tại thửa đất số 28 và thửa đất số 35, tờ bản đồ số 79, tại khoảnh 1, tiểu khu 234 thuộc xã H. huyện H với tiền công là 8.800.000đ. Khi thuê, Thông nói với anh Hải về việc khu vực rừng trên Thông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đầy đủ, được sẻ phát, chặt phá cây tự nhiên để lấy đất trồng, trồng cây keo trầm và chỉ vị trí, ranh giới cụ thể. Từ ngày 02/10/2020 đến ngày 04/10/2020, anh Nguyễn Đình H1 cùng với anh Phan Ngọc Căn, chị Trần Thị X, anh Nguyễn Văn H4, anh Nguyễn Văn H2, ông Võ Tá H3, cháu Phan Mạnh T1, đều trú tại xóm T, xã H và anh Nguyễn Văn Đức, trú tại xóm 06, xã H mang theo rựa mỏng, cưa xăng đến tại khu vực rừng được Thông chỉ vị trí và tiến hành sẻ phát rừng. Đến ngày 05/10/2020, tổ tuần tra của Hạt kiểm lâm huyện H và UBND xã H. huyện H phát hiện rừng tự nhiên bị chặt phá trái phép.

Ngày 22/10/2020, Cơ quan Điều tra Công an huyện Hương Khê đã phối hợp với Hạt kiểm lâm H, các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả cụ thể như sau:

- Diện tích rừng tự nhiên đã bị chặt phá tại khoảnh 2, tiểu khu 234 xã H và khoảnh 1 tiểu khu 237 xã P là 10.808m².

- Loại rừng: Quy hoạch rừng sản xuất.

- Độ tàn che: 0,3.

- Chiều cao vút ngọn (H_{VN}) trung bình: 9,4m.

- Mật độ trung bình cây/ha: 258 cây/ha.

- Trữ lượng trung bình m³/ha: 18,9m³/ha.

- Phân loại rừng: Rừng gỗ tự nhiên.

- Mức độ thiệt hại trên diện tích 10.808m² rừng bị chặt phá:

+ Tổng số cây thân gỗ bị chặt hạ có $D_{1.3} \geq 6\text{cm}$: 308 cây;

+ Đường kính ($D_{1.3}$) trung bình: 13,45cm;

+ Chiều cao vút ngọn (H_{VN}) trung bình: 9,4m;

+ Trữ lượng 308 cây thân gỗ bị chặt hạ: 20,43m³.

- Chủ quản lý của 10.808m² rừng tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất bị chặt phá trái pháp luật nói trên gồm:

+ Rừng của hộ gia đình Hoàng Trung T và bà Nguyễn Thị P1, diện tích bị chặt phá trái pháp luật 6.828m²;

+ Rừng của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị Đ, diện tích bị chặt phá trái pháp luật 1.333m²;

+ Rừng do Ban QLRPH H quản lý tại khoảnh 1, tiểu khu 237 xã Phúc Trạch, diện tích bị chặt phá trái pháp luật 2.647m² (do nhầm lẫn trong việc xác định giới cận nên khi khám nghiệm hiện trường Hoàng Trung T mới biết là rừng được giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ H quản lý);

Tại Văn bản số 534/TNMT ngày 18/5/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H xác định: Vị trí rừng bị chặt phá theo bản đồ đo đạc địa chính đất lâm nghiệp xã H phục vụ giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo Đề án 3952, xã H, năm 2015 thì thửa đất số 28 và thửa số 35, tờ bản đồ 79, thuộc khoảnh 01, tiểu khu 234 xã H; theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng (theo quyết định 3725/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh) thì vị trí vụ việc thuộc khoảnh 2, tiểu khu 234, xã H. Tuy nhiên, trên thực địa là cùng một vị trí.

Tại Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự số 7072/QĐ-UBND ngày 28/01/2021, xác định:

- Giá trị cây bị chặt phá: 9.193.500đ. Trong đó,
 - + Giá trị của cây rừng bị chặt phá đối với rừng tự nhiên có trữ lượng 12,91m³ (được giao cho hộ Hoàng Trung T): 5.809.500đ;
 - + Giá trị của cây rừng bị chặt phá đối với rừng tự nhiên có trữ lượng 2,51m³ (được giao cho hộ Nguyễn Văn Q1): 1.129.500đ;
 - + Giá trị của cây rừng bị chặt phá đối với rừng tự nhiên có trữ lượng 5,01m³ (được giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ H): 2.254.500đ;
- Tổng giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên: 27.580.500đ. Trong đó:
 - + Giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên trên diện tích 6.828m²: 17.428.500đ;
 - + Giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên trên diện tích 1.333m²: 3.388.500đ;
 - + Giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên trên diện tích 2.647m²: 6.763.500đ.

Vật chứng thu giữ:

- 08 chiếc rựa mỏng; 03 máy cưa xăng. Hiện đã chuyển cho Chi cục Thi hành dân sự huyện H chờ xử lý theo quy định của pháp luật;
- 233 cây thân gỗ tự nhiên, trữ lượng 15,42m³ hiện UBND xã H. huyện H bảo quản chờ xử lý theo quy định pháp luật;
- 75 cây thân gỗ tự nhiên, trữ lượng 5,01m³ hiện Ban Quản lý rừng phòng hộ H bảo quản chờ xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 36.774.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Tại cáo trạng số 30/CT-VKS-HK ngày 14/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Hoàng Trung T về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Hoàng Trung T đã khai nhận về hành vi của mình như nội dung trên. Bị cáo không kêu oan, bị cáo thể hiện sự ăn năn, hối cải, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện UBND huyện H và đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ H đề nghị HĐXX buộc bị cáo bồi thường các thiệt hại đối với diện tích rừng bị chặt phá cho Nhà nước theo quy định; về trách nhiệm hình sự xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo một phần xuất phát từ sự thiếu hiểu biết quy định của pháp luật nên nhất thời phạm tội, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện UBND xã H đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo cơ hội cải tạo tại địa phương, bởi vì từ trước tới nay bị cáo luôn chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách, càn cù lao động sản xuất, việc bị cáo phạm tội là do chưa hiểu rõ quy định khi được giao nhận đất rừng.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Hoàng Trung T về tội “Hủy hoại rừng”. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm. Đồng thời, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước do UBND huyện H và Ban quản lý rừng phòng hộ Hương Khê làm đại diện, đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Trung T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do có nhu cầu lấy đất rừng sản xuất để trồng cây keo lá tràm nên từ ngày 02/10/2020 đến ngày 04/10/2020, Hoàng Trung T thuê anh Nguyễn Đình H1, anh Trần Hữu Đ1, anh Phạm Ngọc C, anh Nguyễn Văn H2, ông Võ Tá H3, anh Nguyễn Văn H4, chị Trần Thị X và cháu Phan Mạnh T1 dùng rựa mòng, cưa xăng tiến hành sẻ phát, chặt phá rừng tự nhiên tại thửa số 28, thửa số 35, tờ bản đồ 79 tại khoảnh 2, tiểu khu 234 thuộc xã H và khoảnh 1, tiểu khu 237 thuộc xã Phúc Trạch. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định tổng diện tích rừng tự nhiên bị Hoàng Trung T thuê người chặt, phá là 10.808m², với trữ lượng 308 cây thân gỗ bị chặt hạ là 20,43m³. Trong đó, có

6.828m² rừng do Hoàng Trung T và bà Nguyễn Thị P1 được giao quản lý; 1.333m² rừng do ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị Đ được giao quản lý; 2.647m² rừng do Ban Quản lý rừng phòng hộ Hương Khê quản lý. Kết quả định giá tài sản xác định tổng giá trị thiệt hại là 36.774.000đ, trong đó, giá trị cây bị thiệt hại 9.193.500đ và giá trị thiệt hại rừng tự nhiên: 27.580.500đ.

[3] Hành vi thuê người chặt phá rừng tự nhiên khi chưa được sự cho phép của cấp có thẩm quyền, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của Nhà nước. Mặc dù bị cáo đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thời hạn 50 năm nhưng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để cho bị cáo bảo quản, chăm sóc, cải tạo, trồng xen dầm sản xuất lâm nghiệp và hưởng tỷ lệ phần trăm sau khi các cây gỗ tự nhiên phát triển, đủ tuổi khai thác. Việc khai thác phải có kế hoạch và văn bản phê duyệt chấp thuận của UBND huyện theo quy định tại Điều 58 Luật Lâm nghiệp. Việc bị cáo tự ý thuê người chặt phá rừng tự nhiên (quy hoạch rừng sản xuất) khi chưa được sự cho phép của cấp có thẩm quyền đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật Lâm nghiệp. Với diện tích rừng bị chặt phá là 10.808m², thuộc trường hợp “*Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²)*” nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến sinh thái. Do đó, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo đã tự nguyện đưa các giống cây như cây keo trầm, cây gió trầm, cây vàng tâm vào trồng trong khu vực rừng đã thuê người chặt phá, đồng thời bị cáo đã nộp số tiền 36.774.000đ để khắc phục hậu quả; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bố là ông Hoàng Đ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất khi tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, trên cơ sở cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về nhân thân của bị cáo từ trước đến nay chấp hành tốt quy định pháp luật, nông dân chất phác, bị cáo lần đầu phạm tội, phạm tội do nhận thức, hiểu biết pháp luật còn có phần hạn chế; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra

khỏi xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương như lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về điều luật áp dụng; tội danh truy tố; hình phạt, biện pháp áp dụng; biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Về bồi thường thiệt hại: Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 36.774.000đ. Do đó, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho đại diện chủ sở hữu rừng theo quy định, cụ thể: Bồi thường cho UBND huyện H tổng số tiền 27.756.000đ; bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ H tổng số tiền 9.018.000đ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã nộp đủ số tiền 36.774.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, do đó, bị cáo không phải bồi thường thêm; UBND huyện H và Ban quản lý rừng phòng hộ H được nhận số tiền bồi thường do bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 08 chiếc rựa mỏng; 03 máy cưa xăng là công cụ, phương tiện phạm tội đã cũ, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Đối với 233 cây thân gỗ tự nhiên, trữ lượng 15,42m³ (Do UBND xã H. huyện H đang quản lý) là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước do UBND huyện H là đại diện hợp pháp, do đó cần tịch thu giao cho UBND huyện H xử lý nộp ngân sách.

+ Đối với 75 cây thân gỗ tự nhiên, trữ lượng 5,01m³ (Do Ban Quản lý rừng phòng hộ Hương Khê đang quản lý) là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước do Ban Quản lý rừng phòng hộ H là đại diện hợp pháp, do đó cần tịch thu giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ H xử lý nộp ngân sách.

[7] Trong vụ án này có anh Nguyễn Đình H1, anh Trần Hữu Đ1, anh Phạm Ngọc C, anh Nguyễn Văn H2, ông Võ Tá H3, anh Nguyễn Văn H4, chị Trần Thị X và cháu Phan Mạnh T1 là những người được bị cáo thuê thực hiện việc sẻ phát, chặt phá rừng nhưng khi thuê T nói T có giấy tờ đầy đủ, được phép chặt, phá cây nên không có căn cứ xử lý những người này với vai trò đồng phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng một số hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo Hoàng Trung T không có nghề nghiệp ổn định, do đó cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Trung T phạm tội “Hủy hoại rừng”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Trung T 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Trung T cho Ủy ban nhân dân xã H. huyện H, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước do UBND huyện H làm đại diện tổng số tiền 27.756.000đ; do Ban quản lý rừng phòng hộ H làm đại diện tổng số tiền 9.018.000đ. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường tổng số tiền 36.774.000đ (theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002548 ngày 09/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê) nay không phải bồi thường nữa.

UBND huyện H được nhận lại số tiền 27.756.000đ; Ban quản lý rừng phòng hộ H được nhận lại số tiền 9.018.000đ do bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê.

- Tịch thu tiêu hủy 08 chiếc rựa mông; 03 máy cưa xăng (*tình trạng, đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/7/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh*).

- Tịch thu, nộp ngân sách do UBND huyện H quản lý đối với 233 cây thân gỗ tự nhiên, trữ lượng 15,42m³; do Ban Quản lý rừng phòng hộ H quản lý 75 cây thân gỗ tự nhiên, trữ lượng 5,01m³ (*theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/11/2020 giữa Hạt Kiểm lâm huyện H với UBND xã H và Ban quản lý Rừng phòng hộ H, huyện H, tỉnh H*).

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có

mặt, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Hương Khê;
- CA huyện Hương Khê;
- THADS huyện Hương Khê;
- THA hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Đồng Lê Thị Nhung Tuyết

Mai Văn Đạt

